

SSIAM VNFIN LEAD ETF



THÔNG TIN QUỸ – THÁNG 07/2021

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

TÊN QUỸ	SSIAM VNFIN LEAD ETF
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VNFIN LEAD Index
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG	24/02/2020
QUY MÔ QUỸ	2.707,85 tỷ Đồng (~116,82 triệu USD) (tại ngày 31/07/2021)
TIỀN TỆ	VNĐ
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM)
GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ	0,65%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	129.800.000

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	20
HỆ SỐ P/E	12,22x
HỆ SỐ P/B	2,17x

Nguồn: Bloomberg, SSIAM

MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNFIN LEAD trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VNFIN LEAD. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với Chỉ số VNFIN LEAD hoặc đưa ra các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VNFIN LEAD Index

Chỉ số VNFIN LEAD là chỉ số bao gồm tối thiểu 10 cổ phiếu, được lựa chọn từ các cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số ngành tài chính -

VNAllShare Financials index (viết tắt VNFIN) đạt tiêu chí lựa chọn với giới hạn tỷ trọng 15% đối với cổ phiếu đơn lẻ, có giá trị giao dịch tối thiểu 10 tỷ đồng và tỷ suất quay vòng tối thiểu 0,1%.

Chỉ số VNFIN LEAD đại diện cho 30,0% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

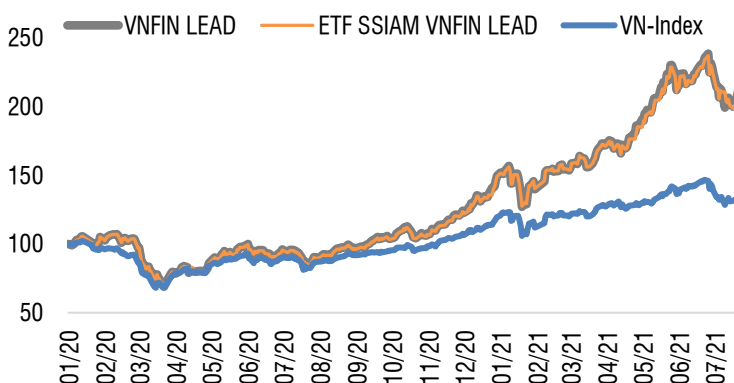
Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

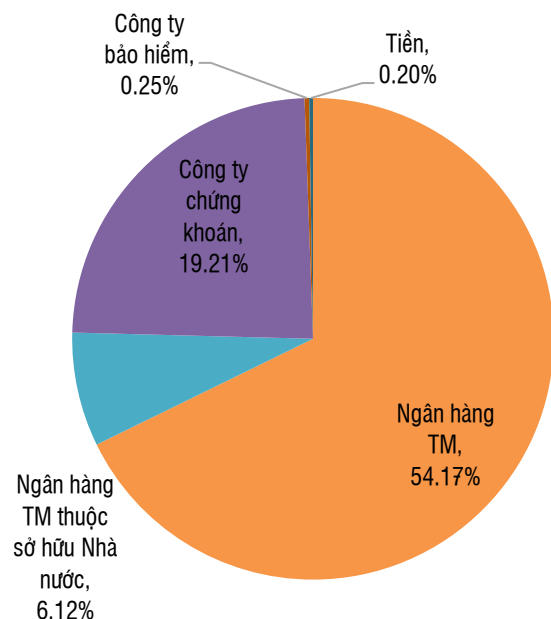
	NAV/CCQ (VNĐ)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày thành lập
ETF SSIAM VNFIN LEAD	20.829,69	-8,66%	18,18%	53,62%	108,30%
VNFIN LEAD		-8,14%	18,97%	54,82%	110,78%

(* Ngày kết thúc đăng ký góp vốn: 10/01/2020.

Dữ liệu hoạt động để cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.



CƠ CẤU DANH MỤC TẠI NGÀY 31/07/2021 (%NAV)

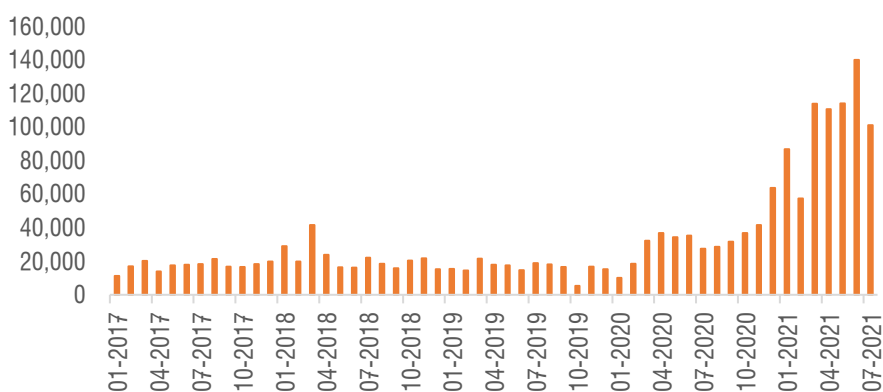


CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG VÀ NGÀNH TÀI CHÍNH

Trong tháng 7/2021, thị trường chứng khoán Việt Nam có sự điều chỉnh mạnh với sự sụt giảm nhanh chóng ở giai đoạn đầu tháng và kéo dài tới gần như hết cả tháng 7/2021. Mức sụt giảm lớn nhất lên tới -13,96% từ đỉnh xuống đáy của đợt điều chỉnh. Đây là mức điều chỉnh lớn thứ 2 trong năm 2021 sau đợt điều chỉnh vào tháng 1/2021. Thị trường đã bắt đầu tỏ ra nhiều biên động từ đầu tháng 6 và kéo dài sang suốt tháng 7 vừa qua. Điểm tích cực là thị trường đã có sự điều chỉnh và tạo 1 nền giá đi ngang ở vùng 1225 – 1250 điểm và tăng dần lên tạo tâm lý tích cực cho nhà đầu tư về 1 xu hướng giá lên mới trong quý 3/2021.

Trong tháng 7 vừa qua, số lượng tài khoản mở mới đã có sự suy giảm so với 6 tháng vừa qua khi chỉ còn hơn 101.078 tài khoản mở mới. Đây là số lượng tài khoản mở mới giảm mạnh so với đỉnh tháng 6/2021 và cũng thấp nhất trong 5 tháng qua. Điều này có thể phản ánh 1 phần dòng tiền thị trường đã bắt đầu chững lại sau quá trình tăng nóng trước đây. Tuy vậy, nhìn chung dòng tiền vẫn khá tích cực khi vẫn thu hút được lượng lớn nhà đầu tư mới tham gia vào thị trường hiện tại.

Số lượng tài khoản nhà đầu tư cá nhân trong nước mở theo tháng



Nguồn: VSD

Tăng trưởng chung của nền kinh tế trong tháng qua cũng ở mức thấp do tình trạng giãn cách xã hội ở các đô thị lớn và sẽ vẫn tiếp diễn trong tháng 8 tới đây. Điểm sáng tới từ việc xuất khẩu vẫn có sự tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ và Việt Nam tiếp tục vươn lên là đối tác lớn của Hoa Kỳ trong xuất nhập khẩu.

Đặc biệt lo ngại Việt Nam bị áp thuế vì hành động thao túng tỷ giá đã được loại bỏ và nguy cơ rủi ro có thể tác động mạnh tới vĩ mô và xuất nhập khẩu của Việt Nam đã giảm đi rất nhiều, tạo điều kiện cho 1 sự tăng trưởng mới tốt hơn trong tương lai.

Kết quả kinh doanh quý 2/2021 của 720 công ty đang niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam đại diện cho 88,4% vốn hóa thị trường cho thấy tăng trưởng lợi nhuận rất tích cực được dẫn dắt bởi các doanh nghiệp lớn trong ngành vật liệu xây dựng, tài chính, bất động sản. Với các doanh nghiệp phi tài chính lợi nhuận quý 2/2021 có sự tăng trưởng +83,2% mạnh hơn rất nhiều so với tốc độ tăng trưởng doanh thu +33,3%. Mặc dù vậy kết quả này cũng chậm lại so với mức tăng trưởng +141,6% về lợi nhuận của khối này trong quý 1/2021.



Nguồn: Fiiitrade

Sau đợt sụt giảm trong tháng 7/2021, mức định giá của thị trường đã giảm về mức 16,13 lần vào 30/7/2021 là mức trung bình thị trường trong nhiều năm qua và sẽ tiếp tục giảm khi kết quả quý 2/2021 các doanh nghiệp được công bố nốt. Mức định giá này là khá rẻ so với các nước trong khu vực ASEAN. Bên cạnh đó, tháng 7 vừa qua dòng tiền từ quỹ Fubon ETF mới huy động đợt 2 quay trở lại thị trường đã giúp có lực mua lớn từ khối nhà đầu tư nước ngoài trong giai đoạn thị trường khó khăn vừa qua.

Trong kỳ, nhóm cổ phiếu tài chính khá yên ắng khi các đợt chia tách cổ phiếu đã diễn ra hầu như ở các cổ phiếu ngoại trừ 1 số cổ phiếu thuộc nhóm ngân hàng quốc doanh và công ty chứng khoán chưa thực hiện. Tâm điểm là đợt tái cơ cấu danh mục diễn ra trong tuần cuối tháng 7/2021 thu hút nhà đầu tư chú ý tới các động thái mua/bán của các cổ phiếu trong danh mục.

No	Ticker	Share		Market		ROAttm (%)	ROEttm (%)	BVPS ttm	EPS ttm	P/E ttm	P/B ttm	Price @ 30/07/2021 (VND/share)	PAT Q2 2020 (bn VND)			Growth (%)
		Weight	outstanding (mn)	Capitalization (bn VND)	n								2020	2021F	2020	
1	BID VN Equity	0.38%	4,022	165,305	0.65	12.62	19,803	2,512	16.4	2.08	2.08	41,100	2,048	2,048	3,789	85%
2	BVH VN Equity	0.25%	742	37,933	1.35	9.52	27,978	2,433	21.0	1.83	1.83	51,100	542	542	443	-18%
3	CTG VN Equity	5.74%	4,806	165,318	1.38	20.93	17,773	3,404	10.1	1.94	34,400	3,610	2,239	2,239	-38%	
4	EIB VN Equity	0.47%	1,229	32,457	0.55	5.29	13,681	874	30.2	1.93	26,400	75	273	273	264%	
5	HCM VN Equity	0.00%	305	14,596	7.94	19.39	14,557	2,898	16.5	3.29	47,850	150	283	283	89%	
6	HDB VN Equity	2.35%	1,594	53,710	1.77	22.25	15,500	3,303	10.2	2.17	33,700	1,320	1,671	1,671	27%	
7	MBB VN Equity	14.43%	3,778	109,194	2.21	21.50	13,260	2,762	10.5	2.18	28,900	2,920	2,370	2,370	14%	
8	SSI VN Equity	4.34%	655	35,758	5.13	16.51	15,075	2,657	20.6	3.62	54,600	522	591	591	13%	
9	STB VN Equity	14.87%	1,804	53,929	0.70	11.99	16,054	1,922	15.6	1.86	29,900	343	1,113	1,113	224%	
10	TCB VN Equity	14.95%	3,505	179,101	3.59	21.50	21,289	4,611	11.1	2.40	51,100	2,889	4,807	4,807	66%	
11	TPB VN Equity	1.23%	1,072	37,509	2.03	24.69	15,625	4,002	8.7	2.24	35,000	818	1,269	1,269	55%	
12	VCB VN Equity	3.12%	3,709	363,470	1.75	22.78	25,370	5,532	17.7	3.86	98,000	4,616	3,960	3,960	-14%	
13	VCI VN Equity	0.47%	333	16,583	12.58	25.40	13,578	3,444	14.5	3.67	49,800	205	410	410	100%	
14	ACB VN Equity	14.24%	2,702	97,675	2.23	27.23	13,119	3,589	10.1	2.76	36,150	1,522	2,588	2,588	70%	
15	LPB VN Equity	3.13%	1,204	30,692	1.14	18.61	11,824	2,221	11.5	2.16	25,500	321	740	740	131%	
16	MSB VN Equity	2.18%	1,175	34,839	2.07	21.11	14,362	3,162	9.4	2.06	29,650	550	1,580	1,580	187%	
17	OCB VN Equity	1.13%	1,370	41,096	2.62	22.45	12,728	3,040	9.9	2.36	30,000	606	1,108	1,108	83%	
18	SSB VN Equity	1.28%	1,319	48,275	1.20	15.84	10,364	1,579	23.2	3.53	36,600	207	683	683	229%	
19	VIB VN Equity	0.96%	1,553	64,611	2.47	32.14	11,573	3,811	10.9	3.59	41,600	1,025	1,718	1,718	68%	
20	VPB VN Equity	14.28%	2,455	149,740	2.91	23.01	21,507	5,038	12.1	2.84	61,000	2,951	4,016	4,016	36%	

Về cơ bản, các cổ phiếu trong danh mục có sự tăng trưởng rất mạnh trong quý 2/2021, với mức tăng trưởng lợi nhuận bình quân có trọng số đạt +74,4% so với cùng kỳ năm 2020 và là mức cực kỳ cao hiện tại. Các biện pháp giảm lãi suất cho vay, hạn chế tăng trưởng tín dụng trong nửa cuối năm 2021 là 1 số thông tin có thể gây tiêu cực ngắn hạn cho triển vọng nhóm cổ phiếu ngân hàng trong quý 3 khi mà lo ngại tốc độ tăng trưởng sẽ giảm tốc mạnh. Điều này sẽ có ảnh hưởng nhiều tới nhóm ngân hàng nhà nước như VCB, CTG, BID hơn là với nhóm ngân hàng tư nhân hiện tại. Mức định giá hiện tại của quỹ ở mức P/E 12,4 lần và P/B ở mức 2,47 lần thấp hơn so với chỉ số VN-Index đang ở mức P/E 6,69 và P/B 2,6 lần.

No	Ticker	NPAT*			Growth			EPS			BVPS			P/B			P/E		
		2020	2021F	2022F	2020	2021F	2022F	2020	2021F	2022F	2020	2021F	2022F	2020	2021F	2022F	2020	2021F	2022F
1	ACB VN Equity	7,683	9,424	11,133	27.8	22.7	18.1	3,511	3,488	4,120	16,399	16,607	20,728	2.2	2.2	1.74	10.3	10.4	8.8
2	CTD VN Equity	334	520	559	52.9	55.5	7.5	4,154	7,040	7,568	110,768	122,501	130,069	0.6	0.5	0.48	15.1	8.9	8.3
3	CTG VN Equity	13,694	17,326	20,778	44.7	45.5	19.9	3,678	3,605	4,324	22,778	21,375	25,698	1.5	1.6	1.34	9.4	9.5	8.0
4	EIB VN Equity	1,070	1,027	1,200	23.6	2.0	16.8	870	836	976	13,681	14,516	15,492	1.9	1.8	1.70	30.3	31.6	27.0
5	FPT VN Equity	3,538	5,314	6,223	12.8	50.2	17.1	4,120	5,856	6,858	20,086	26,355	33,213	4.7	3.6	2.83	22.8	16.1	13.7
6	GMD VN Equity	371	478	584	28.3	28.9	22.2	1,149	1,586	1,938	19,582	23,490	25,427	2.4	2.0	1.81	40.1	29.1	23.8
7	LPB VN Equity	1,862	2,658	4,524	16.3	42.8	70.2	1,537	2,208	3,759	13,243	14,033	17,792	1.9	1.8	1.43	16.6	11.5	6.8
8	MBB VN Equity	8,263	10,878	12,983	5.6	20.0	5.0	2,993	2,826	3,436	17,275	16,086	19,522	1.7	1.8	1.48	9.7	10.2	8.4
9	MSB VN Equity	2,011	3,074	3,894	92.7	52.8	26.7	1,872	2,816	3,314	15,705	16,978	20,292	1.9	1.7	1.46	15.8	11.3	8.9
10	MUS VN Equity	3,918	5,487	7,464	2.2	40.3	35.8	8,654	11,566	15,705	34,185	44,140	59,945	4.8	3.7	2.74	19.0	14.2	10.4
11	NLC VN Equity	835	1,070	1,120	13.1	28.2	4.7	2,972	3,751	3,926	23,175	27,309	31,325	1.9	1.6	1.40	14.7	11.7	11.1
12	PNJ VN Equity	1,069	1,360	1,707	10.4	27.2	25.5	4,308	5,982	7,508	23,047	29,036	36,544	4.2	3.3	2.62	22.2	16.0	12.8
13	REE VN Equity	1,628	1,771	2,401	0.7	8.8	5.0	5,251	5,730	7,769	37,059	45,247	53,016	1.5	1.2	1.04	10.5	9.6	7.1
14	TCB VN Equity	12,325	16,527	19,233	22.3	34.1	16.4	3,515	4,715	5,487	21,151	26,004	31,492	2.4	2.0	1.62	14.5	10.8	9.3
15	TCM VN Equity	275	306	347	27.6	11.2	13.4	3,775	4,294	4,869	26,799	27,291	32,160	2.8	2.8	2.36	20.1	17.7	15.6
16	TPB VN Equity	3,510	4,377	5,083	13.5	24.7	16.1	3,402	4,084	4,743	17,399	19,709	24,452	2.0	1.8	1.43	10.3	8.6	7.4
17	VIB VN Equity	4,642	6,160	7,519	42.1	32.7	22.1	4,096	3,966	4,841	16,202	15,538	20,379	2.6	2.7	2.04	10.2	10.5	8.6
18	VPB VN Equity	10,414	12,323	14,919	26.1	18.3	21.1	4,271	5,020	6,078	22,811	26,527	32,604	2.7	2.3	1.87	14.3	12.2	10.0

HOẠT ĐỘNG QUỸ

- Trong tháng 7/2021, chỉ số tham chiếu VNFIN Index có sự điều chỉnh giảm 8,14% và lũy kế 3 tháng gần đây tăng 18,97% và lũy kế từ đầu năm 2021 tăng 54,82%. Trong cùng giai đoạn đó, quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD có sự giảm 8,66% trong tháng 7 và lần lượt có sự tăng trưởng 18,18% và 53,64% tương tự như chỉ số tham chiếu VNFIN LEAD.
- Trong tháng, thanh khoản trên sàn đạt tổng khối lượng giao dịch là 2.511.700 ccq, bình quân mỗi phiên đạt 114.168 ccq/phiên, tăng 17,9% so với cùng kỳ tháng 7/2020, và tăng 53,4% so với tháng 6/2021.
- Dòng tiền vào quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF trong kỳ tăng nhẹ với số lượng chứng chỉ quỹ đạt 130 triệu đơn vị, với giá trị tài sản ròng của quỹ đạt 2.707,9 tỷ đồng, giảm 7,95% so với cuối tháng 6/2021.

DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

STT	Mã	Tên công ty	Tỷ trọng (%)	Vốn hóa (USD tr)	FOL	ROA (%)	ROE (%)	YTD 2021 (%)	P/E 2020	P/E 2021F	P/E 2022F
1	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	14,95	7,804,97	22%	21,5	3,6	62,2	10,2	10,4	8,8
2	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	14,87	2,350,17	31%	12,0	0,7	76,9	28,4	15,3	14,0
3	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	14,43	4,758,51	17%	21,5	2,2	25,7	25,3	21,6	18,1
4	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	14,28	6,525,46	15%	23,0	2,9	87,7	9,4	9,5	8,0
5	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	14,24	4,256,57	30%	27,2	2,2	28,6	30,3	31,6	27,0
6	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	5,74	7,204,33	23%	20,9	1,4	-0,4	27,5	15,2	14,5
7	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	4,34	1,558,30	100%	16,5	5,1	65,0	12,6	10,3	9,4
8	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	3,13	1,337,50	4%	18,6	1,1	105,6	14,7	11,5	6,8
9	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	3,12	15,839,54	30%	22,8	1,7	0,1	9,7	10,2	8,4
10	HDB	Ngân hàng Phát triển TPHCM	2,35	2,340,61	22%	22,3	1,8	41,9	15,8	11,3	8,9
11	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	2,18	1,518,23	30%	16,2	1,5	57,7	7,5	9,3	7,8
12	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1,28	2,103,76	0%	15,8	1,2	N/A	30,0	29,5	24,5
13	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	1,23	1,634,57	30%	24,7	2,0	30,6	27,9	23,7	22,6
14	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	1,13	1,432,74	22%	21,8	2,6	N/A	24,0	16,9	11,3
15	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	0,96	2,815,65	20%	32,1	2,5	28,4	14,8	10,8	9,3
16	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	0,47	1,414,43	30%	5,3	0,6	37,1	10,3	8,6	7,4
17	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt	0,47	722,68	100%	25,4	12,6	-14,4	21,9	15,7	13,1
18	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0,38	7,203,77	30%	12,6	0,6	-14,2	10,7	16,6	15,8
19	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	0,25	1,653,06	49%	9,5	1,4	-22,6	10,2	10,5	8,6

THÔNG TIN LIÊN HỆ

SSI ASSET MANAGEMENT CO LTD

Business Development – Director

Mr. Ho Minh Tri (+84) 28 3824 2897 ext 1628 or (+84) 90 888 9669

trihm@ssi.com.vn

Portfolio Manager

Mr Nguyen Minh Hanh Tel: (+84) 4 3936 6321 ext: 1602

hanhnm2@ssi.com.vn

SSI SECURITIES CORPORATION (SSI)

Managing Director, Institutional Brokerage

Mr. Nguyen Anh Duc (+84) 979 585658

ducna1@ssi.com.vn

MIRAE ASSET SECURITIES (VIET NAM) LIMITED LIABILITY COMPANY (MAS)

Sales Manager

Mr. Dinh Quang Thien (+84) 90 2474538

thien.dq@miraeasset.com.vn

BIDV SECURITIES JOINT STOCK COMPANY (BSC)

Head of Structured Products

Mr. Vu Giang Son (+84) 91 668 1202

sonvg@bsc.com.vn

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của SSIAM. SSIAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi về thông tin nhà đầu trong Phần A của Hồ Sơ Nhà Đầu Tư đã gửi SSIAM, kính đề nghị Quý Nhà Đầu Tư cập nhật cho chúng tôi trong thời gian sớm nhất.

Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quý có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.



“Công Ty Quản Lý Quỹ của Năm” năm 2012, 2014

“Công Ty Quản Lý Quỹ Nội Địa của Năm” năm 2015, 2016, 2017, 2018

AsianInvestor

“Công Ty Quản Lý Quỹ Nội Địa Tốt Nhất Việt Nam” năm 2010

“Công Ty Quản Lý Quỹ Tốt Nhất Việt Nam” năm 2015, 2016, 2017, 2018